TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: **156**/2019/DS-PT Ngày 30- 8- 2019 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 140/2019/TLPT- DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2018/QĐPT- DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Ấp Tây Bình A, xã VC, huyện TS, tỉnh A G.

Tạm trú: Số 308/3B, đường T H Đ, khóm 7, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1978.

2.2. Ông Trần Tuấn Th, sinh năm 1977.

Cùng cư trú: Số 18A, khóm B Kh 6, phường B Kh, thành phố L X, tỉnh A G (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Hồng Ph, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số 294A, đường Trường Chinh, khóm Đ Th 9, phường M Ph, thành phố L X, tỉnh A G.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Ông Dương Văn Ng, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp Bình Khánh, xã M Kh, thành phố L X, tỉnh A G là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24/6/2019 (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N với bà Phạm Thị Thanh L có quan hệ là chị dâu và em chồng. Khoảng năm 2017, bà L và ông Th mượn tiền của bà N nhiều lần. Đến tháng 01/2018 bà L và ông Th viết giấy nợ với tổng số tiền 150.000.000đ, mục đích vay để làm nhiều việc, trong đó có mục đích là trả nợ cho người khác, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng tức 3.000.000đ/tháng. Sau khi nhận tiền vay, bà L và ông Th trả lãi được 04 lần của tháng 2, 3, 4, 5 năm 2018. Tháng 6/2018, bà L yêu cầu được ngưng trả lãi để chờ bán nhà đất sẽ trả hết cho bà N. Đến tháng 7/2018, bà L tiếp tục trả lãi thêm 3.000.000đ và tháng 8/2018 bà L, ông Th trả lãi thêm 1.000.000đ nữa thì ngưng. Như vậy, bà L và ông Th đã trả lãi cho bà được 16.000.000đ. Việc bà L, ông Th vay tiền có ghi biên nhận và thỏa thuận thời hạn trả nợ theo Biên nhận ngày 02/01/2018. Ban đầu khởi kiện, bà N yêu cầu trả 162.000.000đ, trong đó bao gồm vốn vay là 150.000.000đ và tiền hụi do bà N cho bà L, ông Th mượn đóng hụi chết là 12.000.000đ. Tuy nhiên, ngày 23/11/2018 bà L, ông Th có trả được 32.000.000đ, cụ thể trả vốn là 20.000.000đ và trả 12.000.000đ là tiền bà N cho bà L, ông Th mượn để đóng hụi chết. Nay bà N xác định lại yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà L, ông Th liên đới trả tổng số tiền 130.000.000đ và yêu cầu trả lãi từ ngày nhận tiền vay đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà N không đồng ý với việc bà L, ông Th yêu cầu được thực hiện trả vốn theo thỏa thuận tại Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018 vì bà L, ông Th có hứa sau khi bán nhà sẽ trả cho bà vài chục triệu. Tuy nhiên, sau khi bán được nhà bà L, ông Th đã bỏ địa phương đi, cố tình lẫn tránh và vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho bà N. Bà N yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ- BPKCTT ngày 20/11/2018 để bảo đảm thi hành án.

Bị đơn là bà Phạm Thị Thanh L và ông Trần Tuấn Th trình bày:

Do cần tiền để xoay xở, ông bà có mượn tiền của bà N 02 lần tổng cộng 150.000.000đ. Ngày 02/01/2018, ông bà có viết và ký tên Biên nhận nợ cho bà N. Tại biên nhận có thỏa thuận việc trả lãi là 3.000.000đ/tháng và thời hạn trả vốn là năm thứ 2 (Tức năm 2019) trả 40.000.000đ, còn 110.000.000đ trả trong 02 năm cuối (năm 2020- 2021). Sau khi nhận tiền vay, ông bà trả lãi được 06 tháng là 18.000.000đ. Nay ông bà yêu cầu được trả nợ theo thỏa thuận tại Giấy nợ ngày 02/01/2018 và điều chỉnh phần tiền lãi đã trả dư. Do cần tiền để trả nợ nên ngày 30/10/2018 ông bà có chuyển nhượng nhà gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04274mA do UBND TP.Long Xuyên cấp ngày 06/10/2008 cho bà Phan Thị Hồng Ph với giá 470.000.000đ, ông bà đã

nhận tiền đủ. Thời gian qua, Tòa án ngăn chặn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ph là không phù hợp nên ông bà yêu cầu Tòa án giải tỏa Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ- BPKCTT ngày 20/11/2018 để bà Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng đã được xác lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Hồng Ph ủy quyền cho ông Dương Văn Ng trình bày:

Ngày 30/10/2018, bà Ph và bà L, ông Th có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cụ thể, bà Ph nhận chuyển nhượng của bà L và ông Th tài sản là căn nhà gắn liền với diện tích đất là 40,6m^2, thửa số 91, tờ bản đồ số 51, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 324239 (Số vào sổ H.04274mA) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 06/10/2008 cho ông Trần Tuấn Th và bà Phạm Thị Thanh L trị giá 470.000.000đ nhưng tại hợp đồng chỉ ghi là 80.000.000đ. Việc chuyển nhượng đã đến giai đoạn chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ- BPKCTT ngày 30/11/2018 phong tỏa tài sản trên. Do việc chuyển nhượng tài sản giữa bà Ph và ông Th, bà L là hợp pháp và nghĩa vụ trả nợ của bà L, ông Th theo Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018 là không tương đương với giá trị của tài sản bị phong tỏa nên yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 32.000.000đ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu đồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn còn nợ là 110.000.000đ do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

- Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Tuấn Th và bà Phạm Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 43.167.000đ. Trong đó, có tiền vốn đến hạn còn lại là 20.000.000đ và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày 16/5/2019 là 23.167.000đ

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2018. Tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AM 324239 (Số vào sổ H. 04274mA) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 06/10/2008 cho ông Trần Tuấn Th và bà Phạm Thị Thanh L. Diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 40,6m^2, vị trí tọa lạc tại thửa số

91; thuộc Tờ bản đồ số 51, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Địa chỉ thửa đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 12/2018/QĐ-BPBĐ, ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Bà N được nhận lại tiền đã gửi bảo đảm là 20.000.000đ và lãi nếu có tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- Chi nhánh Long Xuyên theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00007443078 ngày phát hành là 20/11/2018.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đ theo Biên lai thu số 0010637 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn là ông Th và bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.158.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 5 năm 2019 bà Nguyễn Thị N nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà N theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo để kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện tất cả các chứng cứ một cách khách quan.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà N, thể hiện giữa bà N và bà L, ông Th đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018 do bà L, ông Th cùng ký tên thỏa thuận thống nhất bà L, ông Th vay của bà N số tiền 150.000.000đ, đóng lời hàng tháng 3.000.000đ, thời hạn trả nợ là năm thứ hai (Năm 2019) trả 40.000.000đ, còn lại 110.000.000đ sẽ trả vào hai năm cuối (Năm 2020 và năm 2021). Bà N cho rằng do bà L, ông Th có hứa hẹn sau khi chuyển nhượng nhà và đất đang ở cho người khác sẽ trả một phần tiền nhưng không thực hiện mà bỏ địa phương đi và vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên bà N khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số tiền vay trước thời hạn. Bà L, ông Th không đồng ý và yêu cầu được trả nợ theo thỏa thuận tại Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018. Xét thấy, hai bên thỏa thuận xác lập hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, giữa bà N và bà L, ông Th cũng không thỏa thuận nếu vi phạm nghĩa vụ trả lãi thì bà L, ông Th phải trả vốn trước hạn. Như vậy, theo Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018 thì bà L, ông Th phải trả vốn năm 2019 là 40.000.000đ nhưng ngày 23/11/2018 bà L, ông Th đã trả vốn cho bà N số tiền 20.000.000đ nên bà L, ông Th còn phải trả cho bà N số tiền vốn 20.000.000đ như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Đối với số tiền 110.000.000đ hai bên thỏa thuận sẽ trả vào hai năm cuối (Tức năm 2020 và 2021) như vậy bà L, ông Th chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện do chưa đủ điều kiện khởi kiện là có căn cứ.

[4] Về lãi suất bà L, ông Th cho rằng đã trả lãi cho bà N số tiền 18.000.000đ nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên căn cứ sự thừa nhận của bà N có nhận lãi số tiền 16.000.000đ để xem xét khấu trừ sau khi điều chỉnh lại lãi suất. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng là cao nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để điều chỉnh lại lãi suất tính từ ngày 03/01/2008 đến ngày 16/5/2019 với mức lãi suất 1,67%/tháng bằng 39.167.000đ được khấu trừ tiền lãi đã trả là 16.000.000đ nên bà L, ông Th còn phải trả lãi cho bà N số tiền 23.167.000đ là có căn cứ.

[5] Việc bà N yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ- BPKCTT ngày 30/11/2018. Xét thấy, tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với phần đất diện tích 40,6m^2, thửa số 91, tờ bản đồ số 51, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.04274mA ngày 06/10/2008 cho ông Th, bà L theo lời trình bày của bà N trị giá 200.000.000đ là phù hợp với giá trị tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7715950/2016 ngày 24/11/2016 do bà Ph cung cấp và lời trình bày của bà L, ông Th, bà Ph đã thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng nhà và đất trị giá 470.000.000đ. Như vậy, nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không tương đương với giá trị tài sản bị phong tỏa theo khoản 4 Điều 133 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, án sơ thẩm đã tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ- BPKCTT ngày 30/11/2018 và hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số

12/2018/QĐ-BPBĐ ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên là có căn cứ.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS- ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên bà N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Trần Tuấn Th và bà Phạm Thị Thanh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền (Vốn 20.000.000đ và lãi tính đến ngày 16/5/2019 là 23.167.000đ) 43.167.000đ (Bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 32.000.000đ.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Trần Tuấn Th và bà Phạm Thị Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn là 110.000.000đ do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

6. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

7. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 12/2018/QĐ-BPBĐ ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và lãi (nếu có) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Long Xuyên theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00007443078 ngày phát hành 20/11/2018.

8. Về án phí:

8.1. Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003141 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

8.2. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010637 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

8.3. Ông Trần Tuấn Th và bà Phạm Thị Thanh L phải nộp 2.158.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- TAND TP.Long Xuyên
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà